



TẠP CHÍ KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC

SCIENTIFIC JOURNAL OF
HUMAN RESOURCE
DEVELOPMENT
HOCHIMINH CITY CADRE ACADEMY

SỐ ĐẶC BIỆT
2025

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

TÂM NHÌN

Học viện là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh góp phần kiến tạo phát triển đất nước và là trường chính trị đạt chuẩn quốc gia.

SỨ MẠNG

Học viện là đơn vị nòng cốt tham gia Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ lực tham gia nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất về định hướng, chiến lược, chính sách phát triển và là nơi cung cấp những nhà lãnh đạo quản lý ưu tú cho Thành phố Hồ Chí Minh.



MỤC LỤC

Tổng biên tập

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Hội đồng biên tập

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát

(Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Văn Y

(Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

PGS.TS. Vũ Tình

PGS.TS. Vũ Thanh Sơn

PGS.TS. Trương Thị Hiền

PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TS. Bùi Thị Ngọc Trang

TS. Bùi Ngọc Hiến

TS. Phan Hải Hồ

TS. Trần Thị Hà Văn

TS. Lê Thị Hồng Hà

TS. Phạm Ngọc Lợi

TS. Trần Tuấn Duy

TS. Lê Thị Trúc Anh

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Giấy phép xuất bản

SỐ 551/GP-BTTTT do

Bộ Thông tin và Truyền thông

cấp ngày 26/11/2020, khổ 19 x 27cm

In tại Công ty TNHH Thiết Kế In Ấn

Phạm Hiến (57 Đường 35,

P. Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức)

Giá: 150.000đ

PGS.TS. Nguyễn Quốc Dũng

Một số vấn đề lý luận về kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên
vươn mình của dân tộc Việt Nam5

GS.TS. Trần Văn Phòng

Những yêu cầu mới đặt ra đối với Việt Nam trong kỷ nguyên mới,
kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc và định hướng quan
điểm, giải pháp 19

TS. Nguyễn Minh Nhựt

Kinh nghiệm quốc tế về những trụ cột kiến tạo kỷ nguyên mới
.....30

TS. Bùi Ngọc Hiến

Xây dựng hệ thống chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương sau sáp nhập tỉnh, gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả
.....42

TS. Trần Thị Hà Vân

Công tác nhân sự cấp ủy cơ sở trong bối cảnh mới hiện nay51

TS. Lê Thị Hồng Hà

Thành phố Hồ Chí Minh phát huy sức mạnh mềm vững bước tiến
vào kỷ nguyên mới60

TS. Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố Hồ Chí
Minh trong kỷ nguyên mới71

TS. Bùi Quang Tiến

Bàn về văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên vươn mình
của dân tộc84

ThS. Giang Thị Trúc Mai, Vòng Mỹ Lan, Trần Lê Trang Khánh,
Phạm Trần Thoại Nhiên, Bùi Minh Ngọc, Nguyễn Nhật Tiến

Tác động của xu hướng tách rời tương quan Mỹ - Trung đến thương
mại điện tử Việt Nam: cơ hội và chiến lược phát triển tại Thành phố
Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới91

SCIENTIFIC JOURNAL OF HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT

p-ISSN 3030-4288

Head office: 324 Chu Van An St., W.12,
Binh Thanh Dist, Ho Chi Minh City
Tel: 0907 232 931
Email: tapchi@hcmca.edu.vn

SPECIAL ISSUE 2025

HO CHI MINH CITY AND THE ENTIRE NATION ARE ADVANCING INTO A NEW ERA

CONTENTS

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Quoc Dung

Some theoretical issues on the new era of development -
Vietnam's era of national rise5

Prof.PhD. Tran Van Phong

New requirements for Vietnam in the era of national rise and
orientations, viewpoints, solutions 19

PhD. Nguyen Minh Nhut

International experiences on the key pillars of creating a new
era30

PhD. Bui Ngoc Hien

Building a streamlined, strong, efficient, effective political
system of provinces and cities directly governed by the central
government after the amalgamation42

PhD. Tran Thi Ha Van

Personnel work of the grassroots Party Committee in the new
context51

PhD. Le Thi Hong Ha

Promoting soft power, Ho Chi Minh City steadfastly step into
the new era60

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Enhancing the quality of life of Ho Chi Minh City's populace in
the new era71

PhD. Bui Quang Tien

Discussion on Ho Chi Minh City culture in the era of national rise
.....84

MA. Giang Thi Truc Mai, Vong My Lan, Tran Le Trang Khanh, Pham Tran Thoai Nhien, Bui Minh Ngoc, Nguyen Nhat Tien

Impacts of the US - China decoupling trend on Vietnam's
e-commerce: opportunities and development strategies in Ho
Chi Minh City in the new era91

Editor - In - Chief

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Editorial Council

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Tan Phat
(Chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Van Y
(Vice chairman)

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Duy Bac

Assoc.Prof.PhD. Nguyen Minh Tuan

Assoc.Prof.PhD. Vu Tinh

Assoc.Prof. PhD. Vu Thanh Son

Assoc.Prof. PhD. Truong Thi Hien

Assoc.Prof.PhD. Tran Hoang Ngan

PhD. Bui Thi Ngoc Trang

PhD. Bui Ngoc Hien

PhD. Phan Hai Ho

PhD. Tran Thi Ha Van

PhD. Le Thi Hong Ha

PhD. Pham Ngoc Loi

PhD. Tran Tuan Duy

PhD. Le Thi Truc Anh

PhD. Doan Nguyen Thuy Trang

Issue license

No 551/GP - BTTTT, issued

on 26 November 2020

by Ministry of Information and Media

Printed at:

Pham Hien Printing Design Co., Ltd

(57 street 35, ward Binh Trung Tay,

Thu Duc city)

Price: 150.000 VND

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ NHỮNG TRỤ CỘT KIẾN TẠO KỸ NGUYÊN MỚI

Ngày nhận bài: 06/01/2025; ngày nhận lại bài: 24/3/2025; ngày duyệt đăng: 28/4/2025

NGUYỄN MINH NHỰT^(*)

TÓM TẮT

Bài viết phân tích kinh nghiệm quốc tế về bốn trụ cột quan trọng: đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, nâng cao chất lượng giáo dục và cải cách thể chế. Các quốc gia như Hàn Quốc, Singapore, Phần Lan và Đan Mạch đã triển khai thành công các mô hình phát triển bền vững, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo tăng trưởng dài hạn. Trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, Hàn Quốc đã phát triển Pangyo Techno Valley, trong khi Singapore thực hiện sáng kiến Smart Nation để thúc đẩy kinh tế số. Về kinh tế xanh, Nhật Bản và Đan Mạch đi đầu trong kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo. Giáo dục tại Phần Lan và Singapore tập trung vào tư duy phản biện và đào tạo STEM nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực cho nền kinh tế số. Về cải cách thể chế, Estonia và Thụy Điển áp dụng chính phủ điện tử và tăng cường minh bạch để nâng cao hiệu quả quản trị. Từ những bài học này, bài viết đề xuất các giải pháp cho Việt Nam, bao gồm xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn, cải cách giáo dục theo hướng thực tiễn và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước. Việc áp dụng linh hoạt các mô hình quốc tế sẽ giúp Việt Nam phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, giáo dục, cải cách thể chế, kinh nghiệm quốc tế.

ABSTRACT

This paper analyzes international experiences in four key pillars: innovation and digital transformation, green economic development, education quality improvement, and institutional reform. Countries such as South Korea, Singapore, Finland, and Denmark have successfully implemented sustainable development models, enhancing competitiveness and ensuring long-term growth. In the field of innovation, South Korea has developed Pangyo Techno Valley, while Singapore has implemented the Smart Nation initiative to drive the digital economy. Regarding the green economy, Japan and Denmark are in the forefront in circular economy practices and renewable energy adoption. Education in Finland and Singapore focuses on critical thinking and STEM training to prepare the workforce for the digital economy. Concerning institutional reform, Estonia

^(*) Tiến sĩ, Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhut227@gmail.com

and Sweden have adopted e-government systems and strengthened transparency to enhance governance efficiency. Based on these lessons, the paper proposes solutions for Vietnam, including establishing innovation hubs, promoting the circular economy, reforming education with a practical approach, and improving governance efficiency. It is useful for Vietnam to adapt international models flexibly in order to achieve sustainable development and boost competitiveness in the context of global integration.

Keywords: *innovation, green economy, education, institutional reform, international experience.*

1. Đặt vấn đề

Thế giới đang chứng kiến những thay đổi mang tính bước ngoặt trên nhiều phương diện, từ kinh tế, công nghệ đến các vấn đề xã hội và môi trường. Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (Industry 4.0) đã và đang thay đổi cách con người làm việc, vận hành xã hội thông qua các công nghệ đột phá như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và Internet vạn vật (IoT) (Schwab, 2017). Cùng với đó, những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng và bất bình đẳng xã hội ngày càng đòi hỏi các quốc gia phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng bền vững hơn.

Trong lĩnh vực kinh tế, xu hướng tăng trưởng bền vững đã trở thành ưu tiên hàng đầu của nhiều quốc gia nhằm giải quyết tình trạng cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu. Sachs (2015) khẳng định rằng phát triển bền vững không còn là lựa chọn mà là điều kiện bắt buộc để đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài của nhân loại. Sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam cũng đang góp phần định hình lại trật tự kinh tế toàn cầu, phản ánh sự chuyển dịch quyền lực kinh tế từ phương Tây sang phương Đông, điều mà Baldwin (2016) gọi là “siêu toàn cầu hóa”.

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển quan trọng với những cơ hội và thách thức đan xen. Trên thực tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của Việt Nam đạt khoảng 6-7%/năm trong thập kỷ qua, cho thấy tiềm năng mạnh mẽ trong việc hội nhập và phát triển bền vững. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với những thách thức lớn như năng suất lao động thấp, biến đổi khí hậu ảnh hưởng nặng nề và nhu cầu cấp thiết về chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp bách về việc xây dựng các trụ cột phát triển bền vững, bao gồm đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, cải cách giáo dục và nâng cao năng lực quản trị nhà nước. Bằng cách học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến, Việt Nam có thể tìm ra mô hình phát triển phù hợp với điều kiện thực tế trong nước.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, việc học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác đóng vai trò then chốt trong việc giúp Việt Nam rút ngắn khoảng cách phát triển. Việc tiếp thu và áp dụng những bài học thành công từ các nước tiên tiến không chỉ mở

rộng tầm nhìn mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Các quốc gia như Hàn Quốc, Singapore, Phần Lan và Đan Mạch đã đạt được những thành công đáng kể trong các lĩnh vực then chốt, từ đổi mới sáng tạo, giáo dục chất lượng cao, kinh tế xanh đến cải cách thể chế. Những kinh nghiệm này không chỉ giúp Việt Nam có thêm dữ liệu thực tiễn để hoạch định chính sách mà còn tạo ra động lực để triển khai các chiến lược phát triển một cách hiệu quả hơn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phân tích tài liệu: tổng hợp và đánh giá các nghiên cứu khoa học, báo cáo của tổ chức quốc tế về các mô hình phát triển bền vững.

- So sánh: nghiên cứu các chính sách phát triển của các quốc gia tiên tiến như Hàn Quốc, Singapore, Phần Lan và Đan Mạch để tìm ra những điểm phù hợp với Việt Nam.

- Phân tích chính sách: xem xét các chiến lược và chương trình phát triển của Việt Nam để đề xuất giải pháp có tính khả thi.

- Phỏng vấn chuyên gia: thu thập ý kiến từ các nhà hoạch định chính sách, chuyên gia kinh tế và giáo dục nhằm đưa ra các khuyến nghị sát với thực tiễn Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về những trụ cột chính kiến tạo kỷ nguyên mới

3.1.1. Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố cốt lõi giúp các quốc gia nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu. Theo lý thuyết về đổi mới sáng tạo của Schumpeter (1942), sự đổi mới là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua sự ra đời của các công nghệ mới và sự thay đổi trong mô hình sản xuất. Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index) năm 2023 cho thấy Singapore xếp thứ 5 thế giới, trong khi Hàn Quốc đứng thứ 10, nhờ chiến lược đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (World Intellectual Property Organization [WIPO], 2023).

Tại Hàn Quốc, chính phủ thực hiện chiến lược “Tăng trưởng sáng tạo” với trọng tâm phát triển công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT). Trung tâm công nghệ Pangyo Techno Valley, nơi quy tụ hơn 1.300 công ty khởi nghiệp và tập đoàn công nghệ lớn, đã trở thành biểu tượng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thành công (Lee, Kim, & Park, 2020). Hàn Quốc dành chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt mức 93,1 nghìn tỷ won (tương đương 75,4 tỷ USD) trong năm 2020, chiếm 4,81% GDP, cao thứ hai thế giới sau Israel, đánh dấu mức tăng gần gấp 5 lần so với mức trung bình của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) là 0,53 điểm phần trăm (Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội, 2019). Điều này phản

ánh tầm quan trọng của việc đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển (R&D) thúc đẩy đổi mới sáng tạo quốc gia.

Tại Singapore, một trong những chiến lược quan trọng là Sáng kiến Quốc gia Thông minh (Smart Nation Initiative). Sáng kiến này không chỉ nhằm tạo ra một quốc gia nơi người dân có thể sống và làm việc tốt hơn nhờ vào công nghệ, mà còn thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ trong môi trường số hóa. Singapore đã xác định ba trụ cột chính để thực hiện mục tiêu trở thành quốc gia thông minh: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Bên cạnh đó, chuyển đổi số tại Singapore là một quá trình toàn diện và liên kết chặt chẽ giữa các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ. Chính phủ Singapore không chỉ tập trung vào các công nghệ mới mà còn chú trọng đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng số, nâng cao kỹ năng công nghệ cho người dân, và tạo ra một môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển trong thời đại số. Các chiến lược này đã giúp Singapore trở thành một quốc gia tiên tiến trong việc áp dụng công nghệ và phát triển nền kinh tế số, đồng thời xây dựng một xã hội thông minh, kết nối và bao trùm (Vũ Hữu Mạnh, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, 2025).

Hệ sinh thái khởi nghiệp của Singapore, điển hình như trung tâm BLOCK71, thể hiện rõ nét lý thuyết Hệ sinh thái đổi mới của Freeman (1987), nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách của chính phủ, doanh nghiệp và công tác R&D, giáo dục và đào tạo cũng như cơ cấu công nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Freeman coi hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia như một mạng lưới bao gồm cả khu vực công và tư nhân, với các hoạt động chính là phát triển, giới thiệu, chuyển đổi và phổ biến các công nghệ mới. Theo đó, đổi mới sáng tạo không chỉ là vấn đề công nghệ mà còn là sự tương tác giữa các thành phần khác nhau trong hệ thống (Đoàn Triệu Long, 2023, tr.52).

Việt Nam có tiềm năng lớn trong đổi mới sáng tạo nhưng vẫn còn hạn chế về hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân lực. Để phát triển theo hướng bền vững, Việt Nam cần thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia theo mô hình của Pangyo Techno Valley, đồng thời đẩy mạnh hợp tác giữa doanh nghiệp và viện nghiên cứu để thương mại hóa công nghệ. Ngoài ra, cần nâng cao cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp, khuyến khích tư nhân đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, đồng thời cải thiện chính sách về sở hữu trí tuệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo một cách bền vững. Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ tài chính, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào R&D và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc ứng dụng các công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất, hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế số.

3.1.2. Kinh tế xanh và phát triển bền vững

Kinh tế xanh đã trở thành xu hướng tất yếu giúp các quốc gia cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Theo lý thuyết Phát triển bền vững của Brundtland (1987), kinh tế xanh cần đảm bảo sự phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên thiên

nhiên cho các thế hệ tương lai. Mặc dù có sự tương đồng với kinh tế tuần hoàn và kinh tế ít carbon, nhưng kinh tế xanh có phạm vi rộng hơn, bao gồm phát triển bền vững, bảo tồn tài nguyên và tối ưu hóa sử dụng năng lượng. Việt Nam cần áp dụng đồng thời cả ba mô hình để đạt hiệu quả cao nhất, trong đó chú trọng phát triển kinh tế tuần hoàn nhằm giảm thiểu lãng phí tài nguyên và phát triển các mô hình sản xuất bền vững.

Báo cáo *Môi trường toàn cầu* của Liên hợp quốc (UNEP, 2023) cho thấy các quốc gia phát triển đang đẩy mạnh giảm phát thải khí nhà kính và đầu tư vào năng lượng tái tạo nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Nhật Bản là quốc gia tiên phong trong phát triển kinh tế tuần hoàn, với tỷ lệ tái chế nhựa đạt 84% vào năm 2022, cao hơn mức trung bình toàn cầu là 20% (Ministry of the Environment Japan, 2023). Chính phủ Nhật Bản đã ban hành *Luật xúc tiến kinh tế tuần hoàn* từ năm 2000, tạo điều kiện cho doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Trong khi đó, Đan Mạch đặt mục tiêu đạt 100% năng lượng tái tạo vào năm 2050, với hơn 50% tổng sản lượng điện hiện nay đến từ năng lượng gió (Danish Energy Agency, 2023). Đồng thời, Đan Mạch cũng phát triển các khu công nghiệp xanh, tích hợp chuỗi cung ứng tuần hoàn nhằm tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và giảm phát thải, góp phần tạo ra hệ sinh thái sản xuất bền vững.

Theo Hội đồng liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), việc hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức 1,5°C như mong đợi của Thỏa thuận Paris sẽ yêu cầu lượng khí thải CO₂ giảm khoảng 45% so với mức năm 2010 vào năm 2030 và đạt mức 0% vào năm 2050. Điều này đòi hỏi sự chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế không phát thải sẽ tác động đến công nghệ, sản xuất, hàng hóa và dịch vụ, đồng thời dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng đối với người lao động có các kỹ năng xanh bền vững (UNESCO, 2022).

Tại Việt Nam, theo Cơ quan Năng lượng tái tạo quốc tế (IRENA, 2023), đến năm 2023, Việt Nam ghi nhận 17 GW công suất điện mặt trời lắp đặt, đứng đầu ASEAN và gần gấp đôi tổng công suất của các quốc gia trong khu vực cộng lại. Theo Quy hoạch điện VIII, Việt Nam đặt mục tiêu loại bỏ dần sản xuất điện than vào năm 2050 và tăng công suất điện mặt trời lên 34%, từ mức 23% vào năm 2022. Đồng thời, mức lưu trữ năng lượng sẽ tăng lên 300 MWh vào năm 2030 và 26 GWh vào năm 2050 (Vân Nguyễn, 2024).

Mặc dù Việt Nam dẫn đầu khu vực về công suất điện mặt trời, nhưng tỷ lệ điện gió và thủy điện vẫn chưa đạt mức tối ưu. Theo Bộ Công thương (2023), hiện tại điện gió chỉ chiếm khoảng 5% tổng sản lượng điện, thấp hơn nhiều so với tiềm năng thực tế. Các rào cản chính bao gồm thiếu hệ thống truyền tải điện thông minh, công nghệ lưu trữ năng lượng chưa phát triển, và phần lớn vốn đầu tư đến từ doanh nghiệp nước ngoài, trong khi doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn về tài chính và công nghệ. Điều này cho

thấy cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn từ chính sách để thúc đẩy các doanh nghiệp nội địa tham gia vào ngành năng lượng tái tạo.

Ngoài ra, rào cản pháp lý cũng là một trong những nguyên nhân khiến năng lượng tái tạo tại Việt Nam chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Đặc biệt, Việt Nam chưa hoàn thành quy hoạch tổng thể quốc gia về năng lượng tái tạo, khung chính sách pháp lý chưa rõ ràng và ổn định, cùng với các ưu đãi hiện nay chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư (Nguyễn Chí Dũng, 2024). Bên cạnh đó, Việt Nam chưa có cơ chế định giá carbon hiệu quả để khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang sản xuất ít phát thải hơn.

Theo Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam (2023), kinh tế xanh có thể đóng góp 6-8% GDP vào năm 2030 nếu có chính sách hỗ trợ phù hợp. *Lý thuyết Tăng trưởng xanh* của OECD (2011) nhấn mạnh rằng các chính sách tài chính xanh và năng lượng sạch sẽ giúp các quốc gia chuyển đổi sang nền kinh tế ít carbon mà không làm giảm tốc độ tăng trưởng. Do vậy, Việt Nam cần nghiên cứu áp dụng mô hình khuyến khích tài chính xanh, phát triển cơ sở hạ tầng năng lượng tái tạo, và thúc đẩy chuỗi cung ứng tuần hoàn theo mô hình của Nhật Bản và EU. Bên cạnh đó, việc đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và sản xuất xanh cũng cần được đẩy mạnh để đảm bảo quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững diễn ra hiệu quả.

3.1.3. Nâng cao chất lượng giáo dục

Giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng suất lao động và tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Theo *lý thuyết Vốn con người* của Becker (1964), đầu tư vào giáo dục mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua việc nâng cao kỹ năng lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải thiện khả năng thích ứng với thị trường lao động. Báo cáo của UNESCO (2023) cũng nhấn mạnh rằng một hệ thống giáo dục tiên tiến sẽ giúp giảm bất bình đẳng và tăng cường hội nhập vào nền kinh tế số.

Phần Lan nổi tiếng với mô hình giáo dục linh hoạt, lấy học sinh làm trung tâm, khuyến khích tư duy phản biện thay vì học thuộc lòng. Theo Sahlberg (2011), học sinh Phần Lan được hướng dẫn khám phá tri thức thông qua thực nghiệm, giúp họ đạt thành tích cao trong các kỳ đánh giá quốc tế như PISA.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của công nghệ, giáo dục STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) đã trở thành ưu tiên chiến lược của nhiều quốc gia. Giáo dục STEM không chỉ giúp học sinh phát triển tư duy logic, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, mà còn là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Singapore dẫn đầu trong lĩnh vực này với hệ thống giáo dục STEM hoàn chỉnh, cung cấp phòng thí nghiệm hiện đại, chương trình giảng dạy linh hoạt và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính phủ (Sarsale, Lopez, Alia, & Alejandro, 2024). Theo Bộ Giáo dục Singapore (2023), hơn 90% sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng, phản ánh tính hiệu quả của chiến lược này.

Tại Việt Nam, mặc dù có nhiều cải cách, hệ thống giáo dục vẫn còn tồn tại một số hạn chế, đặc biệt là sự mất cân đối giữa đào tạo và nhu cầu thị trường lao động. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2023), chỉ 36% sinh viên có kỹ năng phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Điều này cho thấy Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách giáo dục theo hướng ứng dụng công nghệ, đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường liên kết với doanh nghiệp để cải thiện chất lượng nhân lực.

Trong năm 2024, số lượng sinh viên theo học các ngành STEM tại Việt Nam đã tăng khoảng 11% so với năm 2023, tương ứng với khoảng 62.000 sinh viên, nâng tỷ lệ lên 55 sinh viên trên mỗi một vạn dân, chiếm khoảng 30% tổng quy mô đào tạo. Tuy nhiên, so với các quốc gia phát triển, con số này vẫn còn thấp. Chẳng hạn, tại Singapore, tỷ lệ sinh viên STEM là 46%, Hàn Quốc 35%, Phần Lan 36%, và Đức 40% (Xuân Quý, 2025). Điều này cho thấy mặc dù tỷ lệ tuyển sinh STEM ở Việt Nam đang gia tăng, nhưng vẫn còn khoảng cách đáng kể so với các nước có nền giáo dục tiên tiến.

Bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đặt ra yêu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực có trình độ cao trong các ngành công nghiệp mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ tự động hóa và an ninh mạng. Nếu không có chiến lược đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục STEM, Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong việc chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

3.1.4. Cải cách thể chế và quản trị hiệu quả

Quản trị quốc gia đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 1992), quản trị quốc gia được định nghĩa là “cách thức thực thi quyền lực trong việc quản lý nguồn lực kinh tế và xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững”. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB, 1995) cũng nhấn mạnh rằng quản trị hiệu quả không chỉ dừng lại ở việc ra quyết định, mà còn bao gồm việc triển khai chính sách một cách hiệu lực, hiệu quả, công bằng và minh bạch.

Những quan điểm này chỉ ra rằng, cải cách thể chế và nâng cao chất lượng quản trị công là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và nâng cao đời sống nhân dân. Theo lý thuyết về quản trị tốt của Kaufmann (1999), một hệ thống quản lý minh bạch, trách nhiệm giải trình cao sẽ giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của chính phủ, giảm tham nhũng và tăng cường lòng tin của người dân vào chính quyền. Thực tiễn quốc tế cũng cho thấy, những quốc gia có hệ thống quản trị tốt thường đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn 2% so với các quốc gia có thể chế yếu kém (World Bank, 2023).

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã thành công trong việc cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả quản trị, điển hình là Estonia và Thụy Điển. Estonia là một trong những quốc gia tiên phong trong việc xây dựng chính phủ điện tử, với hơn 99% dịch vụ công trực tuyến, giúp tiết kiệm 2% GDP mỗi năm. Cơ chế định danh điện tử (e-Residency) đóng

vai trò quan trọng trong việc xác thực danh tính, giúp công dân và doanh nghiệp truy cập an toàn vào các dịch vụ số. Bên cạnh đó, chính phủ Estonia ứng dụng công nghệ blockchain trong bảo mật dữ liệu, giảm thiểu nguy cơ tấn công mạng, gian lận và rò rỉ thông tin, đồng thời tạo niềm tin vững chắc cho công dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ số (Đình Phạm Minh Nghĩa và cộng sự, 2025). Estonia đã chứng minh rằng chính phủ điện tử không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút đầu tư.

Thụy Điển là một trong những quốc gia có chỉ số minh bạch cao nhất thế giới, nhờ vào chính sách công khai dữ liệu chính phủ và thúc đẩy giám sát từ người dân. Transparency International (2023) ghi nhận rằng, nhờ cơ chế công khai thông tin, chính phủ Thụy Điển đã giảm đáng kể tham nhũng, tăng cường trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Thành công của Thụy Điển và Estonia cho thấy rằng, ứng dụng công nghệ và tăng cường tính minh bạch có thể tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị quốc gia, giúp chính phủ vận hành hiệu quả hơn và người dân được hưởng lợi từ các chính sách công tốt hơn.

Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ đáng kể trong cải cách thể chế và quản trị công, đặc biệt là trong việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, theo Bộ Nội vụ Việt Nam (2023), vẫn còn nhiều rào cản và thách thức cần giải quyết: thủ tục hành chính còn rườm rà, thiếu tính liên thông giữa các cơ quan, khiến thời gian xử lý hồ sơ kéo dài; mức độ minh bạch của hệ thống hành chính chưa cao, người dân và doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin chính sách; chính phủ điện tử chưa được triển khai đồng bộ, vẫn còn sự chênh lệch về hạ tầng số giữa các vùng miền, dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

3.2. Đề xuất giải pháp hình thành những trụ cột chính kiến tạo kỷ nguyên mới tại Việt Nam

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam cần điều chỉnh và áp dụng linh hoạt các mô hình thành công vào bối cảnh trong nước. Quá trình này không chỉ đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thể chế mà còn giúp phát huy hiệu quả trong dài hạn. Các giải pháp được đề xuất tập trung vào việc kết hợp có chọn lọc các chính sách từ các quốc gia tiên tiến với điều chỉnh theo thực tiễn Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

3.2.1. Giải pháp đổi mới sáng tạo trong công nghệ và chuyển đổi số

- Thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia theo mô hình của Hàn Quốc (Pangyo Techno Valley) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ, kết nối với viện nghiên cứu và các quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển công nghệ thông qua các chương trình hợp tác

giữa chính phủ, doanh nghiệp và các trường đại học, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm như AI, blockchain, dữ liệu lớn, và IoT.

- Mở rộng chính phủ điện tử, xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông giữa các cơ quan quản lý để nâng cao hiệu quả hành chính, giảm thủ tục giấy tờ và tăng cường minh bạch trong hoạt động công.

- Tạo quỹ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (R&D), khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ mới thông qua chính sách ưu đãi thuế và tín dụng đổi mới sáng tạo.

3.2.2. Giải pháp phát triển kinh tế xanh và bền vững

- Ban hành chính sách bắt buộc doanh nghiệp tái chế rác thải công nghiệp, sử dụng nguyên liệu tái tạo và triển khai hệ thống thuế carbon để thúc đẩy nền kinh tế ít phát thải.

- Đẩy mạnh đầu tư vào điện gió và điện mặt trời, học tập mô hình của Đan Mạch trong việc mở rộng quy mô và tối ưu hóa công nghệ lưu trữ năng lượng. Cần có cơ chế hỗ trợ tài chính dài hạn để khuyến khích doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển năng lượng tái tạo.

- Xây dựng tiêu chuẩn phát thải carbon phù hợp với *Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM)* của EU nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng xanh, thiết lập cơ chế đấu thầu minh bạch trong các dự án năng lượng tái tạo và phát triển quỹ đầu tư cho doanh nghiệp phát triển bền vững.

3.2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực

- Ứng dụng mô hình giáo dục linh hoạt của Phần Lan để tăng cường tư duy phản biện, đào tạo kỹ năng mềm và năng lực giải quyết vấn đề thay vì tập trung vào học thuộc lòng.

- Đẩy mạnh đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) với đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm và chương trình học tập gắn với thực tế. Hợp tác với doanh nghiệp để cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

- Học tập mô hình của Đức trong việc đào tạo nghề kết hợp với thực hành tại doanh nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tiễn ngay từ khi còn trong quá trình học tập.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học quốc tế, thu hút chuyên gia nước ngoài giảng dạy và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học để hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế tri thức toàn cầu.

3.2.4. Giải pháp cải cách thể chế và quản trị hiệu quả

- Học tập kinh nghiệm của Estonia trong việc xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành để nâng cao hiệu quả hành chính và giảm thiểu quan liêu. Ứng dụng công nghệ blockchain để bảo mật dữ liệu công dân và doanh nghiệp.

- Công khai thông tin chính sách, ngân sách nhà nước và hoạt động của cơ quan công

quyền để nâng cao giám sát từ người dân và doanh nghiệp. Thực hiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ công chức dựa trên kết quả thực tế.

- Học tập mô hình “một cửa điện tử” của Singapore để giảm thời gian xử lý hồ sơ đầu tư, đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục hành chính quan trọng, qua đó tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn.

- Xây dựng chương trình đào tạo về kỹ năng số, phân tích dữ liệu và quản trị công nghệ hiện đại cho cán bộ công chức, nhằm cải thiện năng lực ra quyết định và quản lý điều hành trong bối cảnh chuyển đổi số.

4. Kết luận

Bài viết phân tích kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến trong bốn trụ cột quan trọng: đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, giáo dục và cải cách thể chế. Qua đó, có thể thấy rằng, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong khi kinh tế xanh là giải pháp tất yếu để đảm bảo phát triển bền vững. Giáo dục và đào tạo nhân lực chất lượng cao giúp tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia, còn cải cách thể chế giúp nâng cao hiệu quả quản trị, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân.

Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển. Để xây dựng nền kinh tế hiện đại, bền vững và có sức cạnh tranh, Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế và điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với điều kiện trong nước. Cụ thể:

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo bằng cách thành lập trung tâm công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và đầu tư mạnh vào R&D.

- Phát triển kinh tế xanh thông qua mở rộng năng lượng tái tạo, thực hiện chính sách tài chính xanh và xây dựng nền kinh tế tuần hoàn.

- Cải cách giáo dục theo hướng thực tiễn, tăng cường giáo dục STEM, kết nối đào tạo với thị trường lao động.

- Nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, mở rộng chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính và tăng cường tính minh bạch.

Những giải pháp này không chỉ giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Thành công của Việt Nam trong những thập kỷ tới sẽ phụ thuộc vào khả năng ứng dụng linh hoạt các mô hình quốc tế, kết hợp với chính sách phù hợp với thực tiễn trong nước.

Tài liệu tham khảo

ADB (1995). *Governance: Sound Development Management*.

Baldwin, R. (2016). *The Great Convergence: Information technology and the new globalization*. Harvard University Press.

Bộ Công Thương Việt Nam (2023). *Báo cáo tình hình chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại*.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2023). Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 56(3), 12-25.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (2023). *Chiến lược phát triển kinh tế xanh*.
- Bộ Nội vụ Việt Nam (2023). Cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, 15(4), 30-45.
- Danish Energy Agency (2023). *Denmark's Renewable Energy Strategy*.
- Đinh Phạm Minh Nghĩa, Nguyễn Kim Ngân, & Vũ Thị Mỹ Hà (2025). *Tích hợp thông tin cá nhân trong thời đại số: Kinh nghiệm từ Estonia và bài học cho Việt Nam*. Truy xuất từ <https://tcnn.vn/news/detail/67694/Tich-hop-thong-tin-ca-nhan-trong-thoi-dai-so-Kinh-nghiem-tu-Estonia-va-bai-hoc-cho-Viet-Nam.html>, trích đọc ngày 25/2/2025.
- Đoàn Triệu Long (2023). Thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở Trung Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam. *Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách*, (3), 51-60.
- Đoàn Văn Dũng (2023). *Nhận diện về quản trị quốc gia: Kinh nghiệm quốc tế và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam*. *Tạp chí Cộng sản*. Truy xuất từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/827438/nhan-dien-ve-quan-tri-quoc-gia--kinh-nghiem-quoc-te-va-mot-so-ham-y-chinh-sach-doi-voi-viet-nam.aspx#>, trích đọc ngày 10/3/2025.
- Estonian Ministry of Economic Affairs and Communications (2023). *E-Government in Estonia: A Digital Success Story*.
- International Renewable Energy Agency (IRENA) (2023). *Global Energy Jobs Report 2023*.
- Kaufmann, D., Kraay, A., & Zoido, P. (1999). Aggregating governancy indicators. *Policy Research Working Papers*, 2195. <https://doi.org/10.1596/1813-9450-2195>
- Lee, J., Kim, S., & Park, H. (2020). National innovation systems: The case of Korea. *Asian Journal of Innovation and Policy*, 9(2), 105-125.
- Ministry of the Environment Japan (2023). *Japan's Circular Economy Progress*.
- Nguyễn Chí Dũng (2024). *Tổng quan về năng lượng tái tạo tại Việt Nam*. Công ty Luật TNHH Vietthink. Truy xuất từ <https://vietthink.vn/vi/tin-tu-vietthink.nd/tong-quan-ve-nang-luong-tai-cao-tai-viet-nam.html>, trích đọc ngày 15/2/2025.
- Sachs, J. D. (2015). *The Age of Sustainable Development*. Columbia University Press.
- Sahlberg, P. (2011). *Finnish Lessons: What Can the World Learn from Educational Change in Finland?* Teachers College Press.
- Sarsale, J., Lopez, E. N., Alia, L., & Alejandro, B. (2024). STEM Education in ASEAN Countries: Practices and Way Forward. *Science Education International*, 35(4), 360-368.
- Schwab, K. (2017). *The Fourth Industrial Revolution*. Crown Publishing Group.
- Transparency International (2023). *Corruption Perceptions Index 2023*.

- UNESCO (2022). *Transforming Technical and Vocational Education and Training for Successful and Just Transitions: UNESCO Strategy 2022-2029*. <https://doi.org/10.54675/EUDU5854>
- United Nations Environment Programme (UNEP). (2023). *Global Environment Outlook 2023*.
- Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội (2019). *OECD: Hàn Quốc đứng thứ 2 về chỉ tiêu cho nghiên cứu và phát triển tính theo GDP*. Truy xuất từ <https://vienktxh.hanoi.gov.vn/dac-san-ban-tin/dac-san/oecd-han-quoc-dung-thu-2-ve-chi-tieu-cho-nghien-cuu-va-phat-trien-tinh-theo-gdp-112099.html>, trích đọc ngày 8/3/2025.
- Vân Nguyễn (2024). *Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng trong phát triển năng lượng tái tạo*. Truy xuất từ <https://vneconomy.vn/viet-nam-van-con-nhieu-tiem-nang-trong-phat-trien-nang-luong-tai-tao.htm>, trích đọc ngày 10/2/2025.
- Vũ Hữu Mạnh, & Nguyễn Thị Ngọc Thảo (2025). *Sự thành công của chuyển đổi số tại Singapore: Bài học cho Việt Nam trong kỷ nguyên số*. Truy xuất từ <https://www.hoinhap.org.vn/phan-tich-binh-luan/hoi-nhap-kinh-te-quoc-te/56349-su-thanh-cong-cua-chuyen-doi-so-tai-singapore-bai-hoc-cho-viet-nam-trong-ky-nguyen-so.html>, trích đọc ngày 6/2/2025.
- World Bank (1992). *World Development Report: Governance and Development*. Washington DC.
- World Bank (2023). *Global Governance Indicators Report 2023*.
- World Intellectual Property Organization (WIPO) (2023). *Global Innovation Index 2023*.
- Xuân Quý (2025). *Cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong phát triển nhân lực STEM*. Báo điện tử Đại biểu Nhân dân. Truy xuất từ <https://daibieunhandan.vn/co-so-giao-duc-dai-hoc-dong-vai-tro-quan-trong-trong-phat-trien-nhan-luc-stem-post407439.html>, trích đọc ngày 28/2/2025.

